TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐĂK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/HSST
Ngày 05-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hà Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Phạm Thị Thơm

2) Bà Nguyễn Thị Thuận

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thể

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2019/TLST-HS ngày 16/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HS ngày 22/10/2019, đối với bị cáo:

Lê Viết C, sinh năm 2001 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi ĐKNKTT và cư trú: Tổ dân phố 06, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Viết Ph và bà Lê Thị Kim O, trú tại: Tổ dân phố 06, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông; Tiền án,Tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 22/8/2019. Có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn 01, xã Tr, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Có mặt

(Bà H là mẹ đồng thời là người đại diện hợp pháp của chị Tr)

2. Chị Bùi Thị Tr, sinh ngày 22/9/2002. Địa chỉ: Thôn 01, xã Tr, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt

3. Chị Đinh Thị V, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ dân phố 04, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Công Ph, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 01, xã D, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Phan Văn M, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Tr, xã D, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt

3. Anh Phạm Duy T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn 04, xã D, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt

4. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố 06, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đăk Nông. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau*: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 09/08/2019, bị cáo C điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 48F6 – 43xx đến nhà bà H (địa chỉ: Thôn 01, xã S, huyện C) phát hiện cửa cổng và cửa chính mở, trong nhà không có người nên C nảy sinh ý định đột nhập vào nhà để trộm cắp tài sản. Khi vào đến phòng ngủ thứ nhất, C phát hiện trên bàn học có 01 chiếc điện thoại OPPO A9 của chị Tr (con gái bà H) đang cắm sạc nên C rút dây sạc ra và trộm cắp chiếc điện thoại, sau đó C tiếp tục đi xuống khu vực bếp thì phát hiện 01 chiếc áo khoác của bà H đang treo ở gần khu vực lối lên xuống giữa nhà chính và khu vực bếp, C lục tìm trong túi áo trộm cắp được 6.700.000đ. Đến ngày 13/08/2019, C bán chiếc điện thoại OPPO A9 cho cửa hàng điện thoại di động của anh T (ở Thôn 4, xã D, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông) với giá 3.000.000đ. Số tiền trộm cắp được C đem tiêu sài cá nhân hết 3.780.000đ. Đến ngày 22/08/2019, C bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Quá trình điều tra xác định, ngoài hành vi trộm cắp nêu trên thì vào khoảng khoảng 16 giờ 30 phút ngày 30/07/2019, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48F6 – 43xx đến nhà chị V (ở Tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện C), phát hiện cổng nhà đang mở nên C đi vào bên hông nhà, quan sát qua cửa sổ, phát hiện trên ghế Sofa tại phòng khách có 01 máy tính bảng hiệu Ipad mini2 và 01 máy tính bảng hiệu Mobell tad 7s nên C đã đột nhập vào nhà qua cửa sổ rồi trộm cắp 02 chiếc máy tính bảng trên. Sau khi trộm cắp được tài sản, C đem bán chiếc máy tính bảng hiệu Ipad mini2 cho tiệm điện thoại di động của anh Ph (ở Thôn 01, Xã D, huyện Đ) với giá 300.000đ. Đến chiều ngày 31/07/2019, C bán chiếc máy tính bảng hiệu Mobell tad 7s cho tiệm điện thoại di động của anh M (ở Thôn Tr, xã D, huyện Đ) với giá 250.000đ. Số tiền bán tài sản C tiêu sài cá nhân hết.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút thu giữ trên người C số tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam là 5.920.000đ (năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng); 01 (một) chiếc xe mô tô Biểm kiểm soát: 48F6-43xx; 01 (một) Ipad mini2, màu bạc, máy đã bị tháo màn hình; Đối với chiếc máy tính bảng hiệu Mobell tad 7s và chiếc điện thoại OPPO A9, chủ cửa hàng điện thoại di động đã bán cho khách hàng (không rõ nhân thân, lai lịch), do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút không thu giữ được.

Bản cáo trạng số: 41/CTr-VKS ngày 16/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút đã truy tố bị cáo C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, Bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jut truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng không oan. Bị cáo đồng ý với kết luận định giá tài sản của Hội đồng giám định trong tố tụng hình sự huyện Cư Jút.

Tại phần tranh luận, Bị cáo không bào chữa gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho Bị cáo.

Bà H là bị hại, đồng thời là người đại diện hợp pháp của chị Tr yêu cầu Bị cáo phải bồi thường cho chị Tr giá trị chiếc điện thoại bị chiếm đoạt là 4.000.000đ, và bồi thường cho bà số tiền bị chiếm đoạt còn lại là 780.000đ. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà H

Chị V không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của Bị cáo như tại bản cáo trạng số 41/CTr-VKS ngày 16/10/2019 về tội "Trộm cắp tài sản". Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo C phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt Bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị giải quyết vấn đề tổng hợp hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Cư Jut, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 9/8/2019, Bị cáo đến nhà bà H, thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 6.700.000 đồng và 01 chiếc điện thoại OPPO A9 của chị Tr (giá trị theo biên bản định giá là 4.000.000 đồng). Ngoài ra ngày 30/07/2019, Bị cáo đến nhà chị V và đột nhập vào nhà qua cửa sổ, rồi trộm cắp 02 chiếc máy tính bảng. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận, hành vi của Bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"...

Xét thấy hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Bị cáo đã đủ tròn 18 tuổi, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng Bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

Nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 6/11/2017, bị Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 256/2017/HSST ngày 06/11/2017), chấp hành xong hình phạt ngày 28/09/2018. Ngày 15/3/2019, Bị cáo thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản", và đến ngày 25/9/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù (Bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng Bị cáo chưa thi hành), mặc dù Bị cáo được coi là chưa có tiền án, vì lần phạm tội đầu tiên là người chưa thành niên, nhưng cũng chứng tỏ Bị cáo chưa tích cực sửa chữa tội lỗi, vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly Bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục Bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Đối với hành vi của bà Y cho Bị cáo mượn xe mô tô để sử dụng đi tìm việc làm, sau đó C dùng xe mô tô này làm phương tiện đi trộm cắp, bà Y không biết, vì vậy Cơ quan CSĐT công an huyện Cư Jut không xem xét trách nhiệm hình sự của bà Y là có căn cứ.

Đối với anh T, anh Ph và anh M thu mua tài sản do Bị cáo trộm cắp, nhưng khi mua các anh T, anh Ph và anh M không biết đây là tài sản do Bị cáo phạm tội mà có, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jut không xử lý đối với anh T, anh Ph và anh M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tại phiên tòa Bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo. Do đó, Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số 36 ngày 16/09/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jut về việc trả số tiền 5.920.000đ (năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) cho bà H, trả 01 (một) chiếc xe mô tô, Biển kiểm soát: 48F6-43xx cho bà Y và trả 01 (một) Ipad mini2 cho chị V.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa Bị cáo với bà H, cụ thể:

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà H số tiền 780.000đ

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Tr số tiền 4.000.000đ

Chị V không yêu cầu bồi thường, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Buộc Bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Viết C** phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

1. Xử phạt bị cáo C 02 (hai) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù theo Bản án số 304/2019/HS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương. Tổng hình phạt Bị cáo phải chấp hành là 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 22/8/2019. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số 36 ngày 16/09/2019 của Cơ quan CSĐT công an huyện Cư Jut về việc, trả số tiền 5.920.000đ (năm triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) cho bà H, trả 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 48F6-43xx cho bà Y và trả 01 (một) Ipad mini2 cho chị V là chủ sở hữu hợp pháp.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa Bị cáo với bà H, cụ thể:

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà H số tiền 780.000đ (bảy trăm tám mươi nghìn đồng);

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị Tr số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Cư Jut;
- Công an huyện Cư Jut;
- Chi cục THADS huyện Cư Jut;
- Bị cáo;
-Người bị hại
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Hà Ngân